TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 272/2017/HC-PT Ngày 29 - 9 - 2017 V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương;

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Bình;

Ông Đặng Quốc Khởi.

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Thúy-Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dâncấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minhtham gia phiên toà:Ông Nguyễn Đức Thái-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2016/TLPT-HC ngày 18 tháng 8 năm 2016 về việc Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2016/HC-ST ngày 08 tháng 04 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 174/2017/QĐPT ngày 03 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Phạm Văn T (vắng mặt).

Cư trú tại: Số 514/4, khu phố 8, phường ĐH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Nguyễn Lữ H (có mặt).

Cư trú tại: Số 39/22A đường HVB, phường 17, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 15/4/2013).

- ***Người bị kiện****:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BD.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hùng D - Chức vụ: Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Bình Dương. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan****:*

1. NLQ1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Minh T1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 21/4/2017); (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà NLQ2 (vắng mặt).

Cư trú tại: Số 514/4, khu phố 8, phường ĐH, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

- ***Người kháng cáo****:* Người khởi kiện, ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, ông Phạm Văn T trình bày:

Ngày 19/10/2006, ông được Ủy ban nhân dân thị xã TDM (nay là thành phố TDM) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) với diện tích 2.050m^2. UBND thị xã TDM đã sử dụng 181m^2 của ông để thực hiện dự án Công trình nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 (giai đoạn hai), đoạn từ ngã từ Sở Sao đến ngã ba Cổng Xanh nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, với lý do đất nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ. Ông khiếu nại nên ngày 09/01/2012, UBND thị xã TDM ban hành Công văn số 49/UBND-NC,có nội dung không chấp nhận khiếu nại. Ông khiếu nại Công văn số 49/UBND-NC và ngày 11/6/2012, Chủ tịch UBND thị xã TDM ban hành Quyết định 3464/QĐ-UBND có nội dung bác đơn khiếu nại của ông. Không đồng ý với Quyết định 3464/QĐ-UBND, ông tiếp tục khiếu nại và ngày 22/3/2013, Chủ tịch UBND tỉnh BD ban hành quyết định số 678/QĐ-UBND có nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 3466/QĐ-UBND của NLQ1.

Ông T cho rằng UBND tỉnh Bình Dương viện dẫn Công văn số 6429/UBND-SX ngày 21/12/2005 của UBND tỉnh Bình Dương để làm cơ sở cho việc bồi thường công trình nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 mà không áp dụng Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ là trái pháp luật, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của ông.Vì vậy, ông T yêu cầu bồi thường 181m^2 đất hành lang bảo vệ đường bộ theo đơn giá 2.369.600 đồng/m^2. Đồng thời, yêu cầu UBND thành phố TDM và UBND tỉnh Bình Dương xem xét hỗ trợ 01 nền tái định cư có diện tích 300m^2. Trường hợp không được chấp nhận thì yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 678/QĐ-UBND ngày 22/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh BD.

Người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh BD trình bày:

Ông T được UBND thị xã TDM cấp giấy CNQSDĐ số H17017 ngày 19/10/2006, diện tích 2.050m^2, trong đó có 181m^2 nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ. Ngày 07/5/2003, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 1725/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT741-đoạn từ ngã từ Sở Sao đến ngã ba Cổng Xanh. Ngày 02/11/2006, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 238/2006/QĐ-UBND về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng thi

công Công trình nâng cấp mở rộng đường ĐT741- đoạn từ ngã từ Sở Sao đến ngã ba Cổng Xanh. Thực hiện dự án, chủ đầu tư là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư hạ tầng-VRG (Công ty VRG) phối hợp cùng Hội đồng bồi thường giải tỏa và UBND xã ĐH (nay là phường ĐH), thị xã TDM tiến hành xác lập hồ sơ, kê biên bồi thường công trình tài sản trên đất cho ông T.Căn cứ theo biên bản kiểm kê, Công ty VRG không đồng ý đền bù phần diện tích đất 181m^2 do là hành lang bảo vệ đường bộ.

Việc khiếu nại của ông T đã được giải quyết tại Công văn số 49/UBND-NC ngày 09/01/2012 của UBND thị xã TDM và Quyết định 3464/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của NLQ1 nhưng ông T không đồng ý và tiếp tục khiếu nại. Ngày 22/3/2013, Chủ tịch UBND tỉnh BD ban hành Quyết định số 678/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông T, giữ nguyên Quyết định 3466/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của UBND thị xã TDM. Do Quyết định số 678/QĐ-UBND đúng pháp luật nên Chủ tịch UBND tỉnh BD không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, NQ1 trình bày: Thống nhất với ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh BD.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà NLQ2 trình bày:*Thống nhất nội dung trình bày của ông T.

Tại Bản án sơ thẩm số 04/2016/HC-ST ngày 08/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Áp dụng: Các Điều 27, 28, 30, 53, 105, 138, 163, 164, 264 Luật tố tụng hành chính; Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 22/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh BD về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Văn T đối với Quyết định 3466/QĐ-UNBD ngày 11/6/2012 của NLQ1 về việc yêu cầu bồi thường diện tích 181m^2 đất hành lang lộ giới bị giải tỏa theo giá đất 2.369.600đ/m^2.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/4/2016, người khởi kiện, ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Theo quy định pháp luật thì trường hợp của ông T đủ điều kiện để được bồi thường về đất đối với diện tích 181m^2. Ông T được cấp giấy CNQSDĐ hợp pháp từ năm 2006. Giáp đất của ông T là đất của người khác tương tự như đất ông T nhưng cũng được bồi thường, còn ông T không được bồi thường là không đúng. Ông T xác nhận sau khi được cấp giấy CNQSDĐ thì ông không khiếu nại về diện tích đất nằm trong lộ giới hành lang bảo vệ đường bộ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Ông T được cấp giấy CNQSDĐ nhưng có 181m^2 nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ. Hành lang đường bộ đối với đường ĐT 741 được UBND tỉnh Sông Bé xác định từ năm 1984, trước năm 1993. UBND thị xã TDM và UBND tỉnh Bình Dương không chấp nhận bồi thường 181m^2 là căn cứ Quyết định số 238/2006/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương nên cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 22/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh BD về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Văn T đối với Quyết định 3466/QĐ-UNBD ngày 11/6/2012 của Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) TDM (NLQ1) về việc yêu cầu bồi thường diện tích 181m^2 đất hành lang lộ giới bị giải tỏa theo giá đất 2.369.600đ/m^2 nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và giải quyết là đúng quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Đối với kháng cáo của ông T yêu cầu hủy Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 22/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh BD.

2.1 Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hànhQuyết định số 678/QĐ-UBND: Ngày 09/01/2012, UBND thị xã TDM ban hành Công văn số 49/UBND-NC về việc trả lời đơn yêu cầu đền bù đất hành lang bảo vệ đường bộ của ông T. Do ông T khiếu nại Công văn số 49/UBND-NC nên ngày 11/6/2012, Chủ tịch UBND thị xã TDM ban hành Quyết định 3466/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại yêu cầu đền bù đất hành lang bảo vệ đường bộ bị giải tỏa của ông T. Không đồng ý, ông T tiếp tục khiếu nại nên ngày 22/3/2013, Chủ tịch UBND tỉnh BD ban hành Quyết định số 678/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông T, giữ nguyên Quyết định 3466/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của UBND thị xã TDM. Căn cứ vào các Điều 126, 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì Quyết định số 678/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh BD là đúng quy định pháp luật.

2.2 Về nội dung: Giấy CNQSDĐ số H17017, ngày 19/10/2006 của UBND thị xã TDM cấp cho ông T với tổng diện tích 2.050m^2 đất, thuộc thửa đất số 98, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp 6, xã ĐH, thị xã TDM (nay là khu phố 6, phường ĐH, thành phố TDM), tại phần ghi chú phía dưới giấy CNQSDĐ thể hiện có 181m^2 là diện tích đất hành lang bảo vệ đường bộ được. Ông T không có khiếu nại đối với diện tích đất 181m^2 hành lang bảo vệ đường bộ. Nay ông T cũng chỉ yêu cầu Nhà

nước đền bù diện tích 181m^2 đã bị giải tỏa để mở rộng đường ĐT 741 là không có cơ sở xem xét. Vì theo quy định tại Điều 1, 2, 8 Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ là nhằm thuận tiện cho việc cải tạo, mở rộng đường sau này. Toàn bộ hệ thống đường bộ trong cả nước là tài sản xã hội chủ nghĩa; chỉ xét bồi thường về tài sản khi có giấy phép của cấp có thẩm quyền. Trong vụ kiện hành chính này người khởi kiện không yêu cầu bồi thường tài sản trên đất, chỉ yêu cầu bồi thường giá trị đất mà đất đó đã được Quyết định số 2102/QĐ-UB ngày 29/6/1984 của UBND tỉnh Sông Bé và Quyết định số 272/2006/QĐ-UBND ngày 25/12/2006 của UBND tỉnh BD quy định về đất hành lang bảo vệ đường bộ và trật tự an toàn giao thông. Đất hành lang bảo vệ đường bộ là đất của Nhà nước, nên Nhà nước không phải bồi thường khi thu hồi.

[3]- Tại Quyết định số 238/2006/QĐ-UBND ngày 02/11/2006 của UBND tỉnh Bình Dương ban hành về quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng thi công không bồi thường đất nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ đường ĐT 741 là đúng pháp luật. Diện tích 181m^2 bị giải tỏa của ông T là đất nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ, nên ông T yêu cầu được bồi thường UBND thị xã TDM và UBND tỉnh BD bác yêu cầu của ông T là đúng. Việc ông T cho rằng gia đình thuộc diện chính sách, đã chấp hành chủ trương, chính sách của Nhà nước nên yêu cầu UBND thành phố TDM và UBND tỉnh Bình Dương xem xét hỗ trợ 01 nền tái định cư có diện tích 300m^2 cũng không được chấp nhận, vì sau khi trừ diện tích 181m^2 hành lang bảo vệ đường bộ thì ông T vẫn còn trên 1.000m^2 đất để sử dụng nên không thuộc đối tượng hỗ trợ 01 nền tái định cư.

[4] Từ những nhận định trên, thấy rằng án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 22/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh BD là có căn cứ, đúng pháp luật cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Như vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của ông Phạm Văn T và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2016/HC-ST ngày 08/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Áp dụng các Điều 27, 28, 30, 53, 105, 138, 163, 164, 264 Luật Tố tụng hành chính; Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phạm Văn T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 22/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh BD về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Văn T đối với Quyết định 3466/QĐ-UNBD ngày 11/6/2012 của Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) TDM về việc yêu cầu bồi thường diện tích 181m^2 đất hành lang lộ giới bị giải tỏa theo giá đất 2.369.600đ/m^2.

2. Án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002718 ngày 25/12/2015 tại Cục Thi hành dân sự tỉnh Bình Dương, ông T đã nộp đủ.

- Án phí phúc thẩm:Ông Phạm Văn T phải chịu200.000 đồng. Khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002782 ngày 22/4/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương, ông T đã nộp đủ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về hiệu lực của bản án: Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 9 năm 2017)./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- NKK;
- NBK;
- NLQ;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, 14bTNB.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phan Đức Phương